Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 6 - 2022
V/v "*Ly hôn, t/c về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: bà Trần Thị Hoa và ông Vũ Viết Cẩm

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: ông Vũ Huy Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyến định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1999

Nơi cư trú: Số nhà 47, Tổ 13, Khu phố S, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Khu M, xã Đ, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

Số điện thoại: 0848.xxxxxx

- *Bị đơn*: anh Lê Văn K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số nhà 47, Tổ 13, Khu phố S, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A xin vắng mặt, anh K có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh K tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 11/4/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K suốt ngày chỉ biết đi chơi mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K vẫn không nghe. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì anh K bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với anh K nên xin ly hôn.

- Về con chung: chị và anh K có 01 con chung tên là Lê Minh K, sinh ngày 13/4/2019. Hiện nay cháu K do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: chị và anh K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau tại Khu phố S, thị trấn V, huyện C từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 11/4/2018. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống; chị A sống không hòa hợp với gia đình chồng. Ngày 23/11/2020 anh đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Công an thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu bắt quả tang và bị tạm giam. Đến ngày 06/4/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù. Đến ngày 23/11/2022 anh đã chấp hành xong án phạt tù. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: anh và chị A có 01 con chung tên là Lê Minh K, sinh ngày 13/4/2019. Hiện nay cháu K do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang buôn bán tự do có chỗ ở, thu nhập, có đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh K đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị A không còn tình cảm với anh K. Chị A xin ly hôn anh K đồng ý. Do đó đề nghị ghi nhận ý kiến đương sự chị A ly hôn với anh K; về quan hệ con chung: chị A, anh K đều xác định có 01 con chung tên là Lê Minh K, sinh ngày 13/4/2019, hiện nay cháu K do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị A, anh K đều xin nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị Ngọc A xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với anh Lê Văn K về việc ly hôn, đề nghị được nuôi dưỡng 01 con chung, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Lê Văn K có mặt tại phiên tòa đồng ý ly hôn, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn quan hệ con chung anh K không đồng ý ý kiến của chị A và đề nghị được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lê Văn K, nơi cư trú: Số nhà 47, Tổ 13, Khu phố S, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Ngọc A là nguyên đơn, anh Lê Văn K là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Văn K kết hôn với nhau năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2018, ngày 11/4/2018. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh K có giá trị pháp lý. Các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ xét thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh

K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện qua lời trình bày của chị A và sự thừa nhận của anh K; chị A và anh K đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị A xin ly hôn anh K tự nguyện đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Văn K.

[4]. Về con chung: Chị A và anh K thống nhất trình bày anh chị có 01 con chung tên là Lê Minh K, sinh ngày 13/4/2019. Hiện nay cháu K do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh K cũng muốn nuôi con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị A, anh K đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, từ khi chị A, anh K ly thân cho đến nay cháu K do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường về tâm thần lẫn thể chất. Anh K không trực tiếp chăm sóc con chung. Cháu K mới bước sang 04 tuổi, đang sống với chị A, nếu giao con chung cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ thay đổi điều kiện, hoàn cảnh, môi trường sống từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu. Chị A là mẹ, hiện nay đang làm công nhân có thu nhập, có thời gian, điều kiện vật chất, tinh thần tốt hơn anh K. Anh K có nhân thân xấu, mới bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó giao cháu K cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị A không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: chị A, anh K không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004077 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Văn K.

[2]. Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Lê Văn K có 01 con chung tên là Lê Minh K, sinh ngày 13/4/2019, hiện nay do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Minh K cho chị Nguyễn Thị Ngọc A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004077 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Ngọc A được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, anh Lê Văn K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND TT. Vĩnh An, H.VC (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn